TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HS - ST
Ngày: 20 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi
Bà Viên Thị Minh
- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27 ngày 13/5/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/ HSST- QĐ ngày 30/7/2024 đối với các bị cáo:

1. Đặng Ngọc T - sinh ngày 13/02/2007
Nơi ĐKHK và nơi ở hiện nay: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Đặng Ngọc L và bà Nguyễn Thị H; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/10/2023.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Văn T1 - sinh ngày 22/11/2004.
Nơi ĐKHK: xã K, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
Nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Phan Văn H và bà Trần Thị T; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/10/2023 cho đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đặng Ngọc T:**

Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1987 (mẹ đẻ) (vắng mặt).

Địa chỉ: xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đặng Ngọc T:**

Ông Lê Khắc H - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 3, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. (có mặt).

*** Bị hại:**

- Anh Lê Văn T2 - sinh ngày 10/12/2005 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tiền Thịnh, xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nguyễn Văn M - sinh ngày 03/9/2005 (có mặt).

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Đỗ Thế D - sinh ngày 21/7/2001 (có mặt).

Địa chỉ: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người làm chứng:**

- Anh Lê Văn M1 - sinh ngày 01/10/2004 (có mặt).

Địa chỉ: xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Mai Huy B - sinh ngày 14/5/2007 (có mặt).

Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ mối quan hệ bạn bè quen biết chơi với nhau và do không có tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 3/2023 đến tháng 5 năm 2023, Mai Huy B đã nhiều lần vay tiền của Nguyễn Thị Hoa H (sinh năm 2004 ở thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) với tổng số tiền là 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*). H đã nhiều lần yêu cầu B trả tiền nợ nhưng B vẫn chưa trả được. Đến khoảng tháng 7 năm 2023, H kể lại cho bạn trai là Lê Văn M1 (thường gọi là M1 (Tự), sinh năm 2006 ở xã Đ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) việc B nợ tiền và nhờ M1 gọi điện nhắc B trả nợ. Sau đó M1 gọi điện cho B 3, 4 lần để nhắc B trả tiền cho H, tuy nhiên do chưa có tiền nên B chưa trả.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 30/7/2023, Minh (Tự) cùng với Đỗ Thế D, Lê Văn T2, Nguyễn Văn M (thường gọi là M (Mười)) và Mai Ngọc A (sinh năm 2005

xã Đ, huyện Quảng Xương) uống bia tại quán bia "Anh Hào" có địa chỉ tại thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Trong lúc uống bia, M1(Tự) tiếp tục gọi điện yêu cầu B trả tiền nợ cho H thì được B hẹn gặp tại đường bê tông liên thôn 2 - 3, xã N, huyện Quảng Xương để nói chuyện. Thấy B nói giọng thách thức nên M1 (Tự) bực tức, kể lại sự việc, đồng thời rủ D, T2, M (Mười), Ngọc A đi đánh B, cả nhóm đồng ý. Trước khi đi, M1 (Tự) nhặt 02 mảnh gạch ngoài đường đưa cho D, còn M (Mười) lấy 01 đôi đũa nhựa trong quán đi để làm hung khí đánh B. Sau đó, T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh BKS: 36C2 - 245.29 chở M1 (Tự) và D; còn Ngọc A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ đen BKS: 36B7 - 328.20 chở M (Mười) đến điểm hẹn đánh nhau theo vị trí do B gửi qua điện thoại của M1 (Tự).

Khi M1 (Tự) gọi điện thì B đang ở nhà Đặng Ngọc C (sinh năm 2007 ở xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa) nên B rủ C đi cùng để đánh nhau với M1 (Tự), C đồng ý. Sau đó B điều khiển xe mô tô Wave Anpha màu đen BKS: 36B1 - 072.18 chở C đến nhà Phan Văn T1. Đến nơi, B và C gặp Lê Văn M2 (thường gọi là M2 Bía) đang ở nhà T1 nên B rủ T1, M2 (Bía) đi đánh nhau với M1 (Tự) thì T1 đồng ý còn M2 (Bía) do có quen biết với M1 (Tự) nên không đồng ý tham gia đánh nhau. Lúc này B gọi điện cho Đặng Ngọc T rồi điều khiển xe mô tô đi một mình đến rủ T đi đánh nhau. Khi được B rủ đi đánh nhau, T đồng ý rồi xuống bếp lấy 01 con dao dài khoảng 40cm, cán B gỗ dắt vào trong người. Trong lúc chờ B và T quay lại thì T1 rủ C, M2 (Bía) đến cống mương nước trên đường bê tông đoạn qua cánh đồng thôn 2 - thôn 3, xã N, huyện Quảng Xương đứng chờ. Sau đó B, T đến cống mương gặp T1, C, M2 (Bía) rồi cả nhóm đứng chờ M1 (Tự) đến. Tại đây, T1 rủ B, C, T đi lại cầu bê tông cách vị trí các đối tượng đứng khoảng 100m về phía Đông tìm cành cây làm hung khí; lúc này B đi xe mô tô của B còn C, T1, T đi bộ. Khi qua cầu khoảng 5m, thấy phía Bắc đường có cây xoan, T lấy dao chặt 02 đoạn (mỗi đoạn dài khoảng 70cm), T1 lấy dao chặt thêm 01 đoạn dài khoảng 1m. Sau khi chặt được 03 đoạn xoan, T cầm 01 đoạn và dao đem lại để cạnh xe mô tô của B dựng cách cầu khoảng 5m về phía Đông. C, T1 mỗi người cầm 01 đoạn xoan cùng B, T quay lại chỗ M2 (Bía); đến đây C, T1 dấu 02 đoạn gậy ở bãi cỏ rìa đường phía Nam.

Khoảng 30 phút sau, nhóm B thấy M1 (Tự), M (Mười), Ngọc A, T2, D đi trên 02 xe mô tô từ hướng Đông đến; vừa đến nơi M1 (Tự), M (Mười), T2, Ngọc A, D xuống xe dùng chân tay đấm, đá B, C, T và T1. Trong lúc đánh B, M (Mười) cầm đôi đũa trên tay chọc trượt qua má bên phải của B. Riêng M2 (Bía) do có quen biết nhóm M1 (Tự) nên không bị đánh và đi lại can ngăn. Khi được M2 (Bía) căn ngăn, C bỏ chạy một mình theo bờ ruộng về phía Nam để trốn; T1 và T bỏ chạy trên đường bê tông về phía Đông; còn B bị M1 (Tự), M (Mười), T2, Ngọc A, D dùng chân tay đánh. Sau khi đánh B xong, M1(Tự) yêu cầu B về nhà lấy tiền trả cho H, tuy nhiên B chưa có tiền và hứa đến ngày hôm sau trả tiền nên cả nhóm lên xe ra về.

Khi đi về Ngọc A điều khiển xe mô tô chở M (Mười) đi trước còn T2 điều xe mô tô chở M1 (Tự) và D đi theo sau khoảng 3 - 5m; cả nhóm đi trên đường bê tông về phía Đông. Thấy nhóm M1 (Tự) bỏ đi, C đi bộ lại cống mương nước cùng với cùng B, M2 (Bía) đứng chờ T1, T quay lại để đi về.

Trong lúc T1 và T bỏ chạy theo đường bê tông về phía cầu bê tông (phía Đông), do bực tức vì vừa bị đánh nên T lấy dao đang để cạnh xe B và rủ T1 đứng lại chờ nhóm M1 (Tự) đi qua để đánh. T1 đồng ý và lấy 01 đoạn gậy để cạnh xe mô tô của B trước đó làm hung khí chờ nhóm M1 (Tự) đi ngang qua để đánh. Sau đó T1, T đi lại đầu cầu phía Tây và đứng nấp vào bụi cây rìa đường (hướng Nam đi Uỷ ban nhân dân xã N). Khi nhóm M1 (Tự) đi chậm lại để rẽ về hướng Nam thì T1 và T từ bụi cây chạy ra. Thấy Ngọc A điều khiển xe chở M (Mười) đi trước, T dùng sống dao chém về phía Ngọc A nhưng không trúng nên Ngọc A tiếp tục điều khiển xe chở M (Mười) đi thẳng về phía Nam; còn T1 dùng gậy đánh 01 phát trúng vào trán của T2. Bị T1 đánh trúng, T2 dừng xe lại rồi cùng M1 (Tự), D xuống xe bỏ chạy về phía Đông; T2 chạy đến cầu bê tông thì bị choáng ngã nằm xuống đường còn D chạy xuống ruộng lúa cách đó khoảng 50m về phía Đông. Thấy T2 bị ngã nằm trên cầu, T1 chạy lại dùng chân đá 01 phát vào phía sau đầu và dùng gậy đánh 02 phát trúng vào lưng T2 rồi cùng với T tiếp tục đuổi theo D. Khi đuổi kịp, T dùng dao chém về phía D 02 phát trúng vùng đầu rồi đi lên bờ, còn T1 dùng gậy đánh D 02 phát vào người. Lúc này, M (Mười) dừng xe để chạy bộ quay lại lấy xe mô tô của T2 điều khiển còn Ngọc A chạy bộ đuổi theo đánh T1 và T. M (Mười) đi qua cầu bê tông khoảng 50m về phía Đông thì bị T từ ruộng lúa chạy lại dùng dao chém 01 phát nhưng M (Mười) đã kịp nhảy xuống xe nên tránh được. T tiếp tục dùng dao chém 01 phát trúng vào vùng trán của M (Mười); bị T chém trúng, M (Mười) chạy lại giằng co con dao và dùng tay, chân đánh nhau với T. Thấy M (Mười) và T đánh nhau, M1 (Tự) từ bãi đất trống phía Tây chạy lại đánh T. Khi T1 vừa đi lên đường bê tông, thấy T bị đánh nên T1 chạy lại dùng gậy đập 2 - 3 phát trúng vào vùng đầu, vai M1 (Tự).

Khi T1, T, M1 (Tự), M (Mười) đang đánh nhau; B đi lại cầu bê tông lấy xe mô tô của B cùng với C đi về trước còn M2 (Bía) chạy lại can ngăn. Được M2 (Bía) can ngăn, Ngọc A bỏ chạy về phía Bắc nhặt 01 đoạn gậy tre dài 1,5m ngoài đường quay lại để đánh T1 và T; còn M (Mười) bỏ chạy về phía Tây. Sau khi Ngọc A, M1 (Tự) bỏ chạy thì T1 và T đi về, trên đường về T1 vứt đoạn gậy xoan rìa đường bê tông cách cống mương khoảng 5m. Do khi chạy quay lại không thấy ai nên Ngọc A vứt đoạn gậy rìa đường cạnh cầu bê tông rồi điều khiển xe mô tô chở M (Mười), T2, M1(Tự) đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hoá điều trị vết thương.

Hậu quả:

- Lê Văn M1 bị 01 vết thương sưng nề tại vùng phía sau đầu và 01 vết thương sưng nề vùng vai trái.

- Nguyễn Văn M bị thương rách da và xây xước da tại các vị trí: Vùng trán bên trái; mặt trong ngón 4 bàn tay trái; khớp gối phải; mu bàn chân trái và vùng mông bên trái.

- Đỗ Thế D bị 02 vết thương rách da chảy máu dài 4cm và 5cm đã được khâu y tế tại vùng đỉnh đầu bên trái.

- Lê Văn T2 bị 04 vết thương sưng nề, xây xước da tại: Vùng chẩm, trán bên phải, gò má bên phải và môi trên, bên phải.

- Đặng Ngọc C bị 08 vết thương rách ra, rớm máu gồm: 01 vết dài 04cm tại vị trí phía dưới tai phải; 01 vết đường kính 1,2cm tại gò má phải; 02 vết, kích thước (3x1,2)cm và vết dài 01cm tại gò má trái; 01 vết dài 1,5cm dưới đuôi lông mày trái; 01 vùng vết thương không liên tục, kích thước (8x3)cm; 01 vết dài 3cm tại mặt ngoài cổ tay trái; 02 vết dài 01cm và 02cm tại mặt trong cổ tay phải; 01 vết dài 4cm tại vùng trán.

- Phan Văn T1 bị 03 vết thương xây xước da rớm máu tại: Vùng thái dương bên phải, cổ bên phải và mặt ngoài cánh tay phải.

- Mai Huy B bị 07 vết thương gồm: 01 vết thương xây xước da tại vùng thái dương bên trái, kích thước (0,5x8)cm, 01 vết thương xây xước da, kích thước (1x1)cm tại vị trí phía trên đuôi lông mày bên phái; 02 vết thương sưng nề, kích thước (1x2)cm tại vị trí vành tai trái và súng mũi; 01 vết thương thâm bầm, tụ máu kích thước (4x5)cm tại vùng má bên phải và vùng mặt ngoài bắp tay bên trái bị 02 vết thương thâm bầm, tụ máu kích thước (3x4)cm và vết kích thước (2x4)cm.

- Đối với Mai Ngọc A và Đặng Ngọc T không bị thương tích gì.

Lê Văn M1, Nguyễn Văn M, Đỗ Thế D, Lê Văn T2 điều trị thương tích tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hoá từ ngày 31/7/2023. Do chỉ bị thương tích nhẹ nên ngày 31/7/2023, Lê Văn M1 được xuất viện về nhà còn Nguyễn Văn M, Đỗ Thế D, Lê Văn T2 điều trị đến ngày 03/8/2023 thì xuất viện. Đối với Mai Ngọc A, Đặng Ngọc C, Mai Huy B, Đặng Ngọc T, Phan Văn T1 bị đánh nhưng không gây ảnh hưởng đến sức khoẻ nên không phải điều trị tại cơ sở y tế.

Để có căn cứ xử lý, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương tích của Nguyễn Văn M (Mười), Lê Văn M1 (Tự), Lê Văn T2, Mai Ngọc A, Đỗ Thế D, Đặng Ngọc T, Đặng Ngọc C, Mai Huy B và Phan Văn T1.

Tại Bản kết luận giám định số 1448/KLTTCT - PYTH ngày 31/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa đối với Lê Văn T2, kết luận:

** Kết quả khám giám định:*

- Chấn thương vùng đầu, mặt gây hội chứng chấn động não; hiện tại đã được điều trị ổn định: 05%.

- Sẹo vết thương phần mềm niêm mạc vùng nếp lằn môi đỏ môi trên bên phải; kích thước sẹo nhỏ: 01%.

- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng mặt trước trên gối phải: 0,5%.

- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng mặt trước dưới gối phải: 0,5%.

Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Văn T2 được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 08%.

Tại Bản kết luận giám định số 1458/KLTTCT - PYTH ngày 08/9/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa đối với Đỗ Thế D, kết luận:

** Kết quả khám giám định:*

- Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh thái dương trái, kích thước sẹo nhỏ: 01%.

- Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh trái; kích thước sẹo nhỏ: 01%.

- Chấn thương, vết thương vùng đỉnh thái dương trái, đỉnh trái gây hội chứng chấn động não; hiện tại đã được điều trị ổn định: 02%.

Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Đỗ Thế D được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 04%.

Tại Bản kết luận giám định số 1456/KLTTCT - PYTH ngày 31/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa đối với Nguyễn Văn M, kết luận:

** Kết quả khám giám định:*

- Chấn thương, vết thương vùng trán trái gây hội chứng chấn động não, hiện tại đã được điều trị ổn định: 05%.

- Sẹo vết thương phần mềm vùng chân tóc trán trái; kích thước sẹo nhỏ: 01%.

- Sẹo vết thương phần phần mềm vùng mặt trong đốt 1 ngón IV bàn tay trái; kích thước sẹo nhỏ: 01%.

- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng gối phải: 0,5%.

- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng mu xương bàn 1 bàn chân trái: 0,5%.

- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng vai phải: 0,5%.

- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng mông trái: 0,5%.

Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Văn M được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 09%.

Tại Bản kết luận giám định số 1450/KLTTCT - PYTH ngày 15/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa đối với Phan Văn T1, kết luận:

** Kết quả khám giám định:*

- Vết biến đổi rối loạn sắc tố da vùng mặt ngoài 1/3 dưới cẳng tay trái: 01%.

- Các chấn thương và tổn thương khác do chấn thương; hiện tại không để lại sẹo vết thương phần mềm, không để lại vết biến đổi rối loạn sắc tố da, không có di chứng tổn thương cơ quan chức năng do chấn thương: 0%.

Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Phan Văn T1 được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 01%.

Trong vụ án này, Lê Văn M1 (Tự), Mai Ngọc A, Nguyễn Văn M (Mười), Lê Văn T2, Đỗ Thế D có hành vi dùng chân tay đánh Phan Văn T1, Đặng Ngọc C, Đặng Ngọc T, Mai Huy B. Tuy nhiên kết quả giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với T, C, B đều có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 0% (*Không phần trăm*), T1 bị tổn thương cơ thể 01% (*Một phần trăm*). Do đó hành vi của Lê Văn M1 (Tự), Mai Ngọc A, Nguyễn Văn M (Mười), Lê Văn T2, Đỗ Thế D chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ ở mức vi phạm hành chính. Do đó Công an huyện Quảng Xương ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng trên về hành vi "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự" là phù hợp.

Quá trình điều tra đủ cơ sở xác định: Do M1 (Tự) nhắc B trả tiền nợ cho H dẫn đến M1 (Tự) và B mâu thuẫn, thách thức hẹn đánh nhau. Hành vi của M1 (Tự) cùng với Nguyễn Văn M (Mười), D, T2, Ngọc A đánh B xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn nêu trên giữa B và M1 (Tự). Sau khi đánh B xong, M1 (Tự) mới có hành vi yêu cầu B về nhà lấy tiền trả nợ cho H; bản thân M1 (Tự) và Nguyễn Văn M (Mười), D, T2, Ngọc A đều không có mục đích đánh B để nhằm ép buộc B trả tiền nợ cho H. Đồng thời khi B hẹn đến ngày hôm sau sẽ trả tiền thì bản thân M1 (Tự) và các đối tượng trong nhóm đều không có hành vi dùng vũ lực hoặc đe doạ dùng vũ lực để ép buộc B phải trả tiền nợ cho H. Do đó hành vi nêu trên của Lê Văn M1 (Tự) không cấu thành tội "Cướp tài sản" theo quy định tại Điều 168 BLHS là phù hợp.

Về dân sự: Các bị hại Nguyễn Văn M (Mười), Lê Văn T2 và Đỗ Thế D đã cung cấp các tài liệu về tiền thuốc, tiền chi phí điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024, cụ thể:

- Bị hại Nguyễn Văn M: Chi phí điều trị từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa (có hóa đơn) là: 421.701đ.

- Bị hại Lê Văn T2: Chi phí điều trị từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa (có hóa đơn) là: 124.000đ.

- Bị hại Đỗ Thế D: Chi phí điều trị từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa (có hóa đơn) là: 1.878.256đ.

Bị hại Nguyễn Văn M, Lê Văn T2 và Đỗ Thế D yêu cầu T, T1 bồi thường, cụ thể như sau: Nguyễn Văn M yêu cầu bồi thường tổng số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), Lê Văn T2 yêu cầu bồi thường tổng số tiền

60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) và Đỗ Thế D yêu cầu bồi thường tổng số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, Nguyễn Văn M cung cấp được hoá đơn chi phí điều trị 421.701đ (*Bốn trăm, hai mươi mốt nghìn, bảy trăm linh một đồng*), Lê Văn T2 cung cấp hoá đơn chi phí điều trị 124.000đ (*Một trăm, hai mươi tư nghìn đồng*) và Đỗ Thế D cung cấp hoá đơn chi phí điều trị 1.878.256đ (*Một triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng*). Ngoài ra, còn xem xét buộc các bị cáo T và T1 bồi thường cho Nguyễn Văn M, Lê Văn T2 và Đỗ Thế D một khoản tiền công lao động, mất thu nhập thực tế; tiền công người chăm sóc và tiền tổn thất tinh thần tiền là phù hợp.

Ngày 30/7/2024 bị cáo Đặng Ngọc T và Phan Văn T1 đã bồi thường cho Đỗ Thế D số tiền 10.000.000đ, bị hại D đã nhận tiền.

Về vật chứng của vụ án gồm:

- Đối với con dao Đặng Ngọc T sử dụng đánh nhóm M1 (Tự) và đôi đũa Đỗ Thế D sử dụng đánh Mai Huy B, quá trình làm việc T và D khai bảo vứt con dao và đôi đũa trên tại hiện trường vụ án. Căn cứ lời khai các đối tượng, Cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp truy tìm con dao và đôi đũa trên nhưng không phát hiện thu giữ được.

- Đối với các xe mô tô BKS: 36B7 - 328.20, xe mô tô BKS: 36C2 - 245.29 và xe mô tô BKS: 36B1 - 072.18; quá trình điều tra xác định các xe mô tô trên của chị Đào Thị C (mẹ Nguyễn Văn M), anh Lê Văn S (bố Lê Văn T2) và anh Mai Huy V (bố Mai Huy B) là chủ sở hữu hợp pháp. Khi M (Mười), T2, B lấy các xe mô tô trên đi chơi và đi đánh nhau thì chị C, anh S và anh V không biết, do đó Cơ quan điều tra không thu giữ các xe mô tô trên.

- Ngày 01/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại 10 chiếc dép nhựa thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện T1 cho Mai Huy B, Đặng Ngọc C, Lê Văn M1 (Tự), Đặng Ngọc T, Phan Văn T1, Mai Ngọc A và Nguyễn Văn M (Mười) là chủ sở hữu hợp pháp.

- 01 gậy gỗ dài khoảng 60cm dạng cành cây tươi; 01 chiếc gậy gỗ dài khoảng 75cm dạng cành cây tươi; 01 gậy tre dài khoảng 1m40, đường kính khoảng 4,5cm, màu vàng nâu; 01 đoạn khúc gỗ, dạng xoan tươi, màu tối, dài 01m, đường kính 1,5cm được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương để chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 28/CTr - VKSQX ngày 10/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố các bị cáo Đặng Ngọc T, Phan Văn T1 về tội: "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Văn T1; xử phạt bị cáo Phan Văn T1 từ 10 đến 12 tháng tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Đặng Ngọc T; xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T từ 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 gậy gỗ dài khoảng 60cm dạng cành cây tươi; 01 chiếc gậy gỗ dài khoảng 75cm dạng cành cây tươi; 01 gậy tre dài khoảng 1m40, đường kính khoảng 4,5cm, màu vàng nâu và 01 đoạn khúc gỗ, dạng xoan tươi, màu tối, dài 01m, đường kính 1,5cm là công cụ phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586 (áp dụng đối với bị cáo T), Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự.

- *Buộc các bị cáo T và T1 bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn M các khoản sau:* Tiền chi phí điều trị tại bệnh viện: 421.701đ; tiền công lao động mất thu nhập thực tế trong 04 ngày anh M nằm viện (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ; tiền công 01 người chăm sóc (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ; tiền tổn thất tinh thần 05 tháng lương tối thiểu: 05 x 2.340.000đ/tháng = 11.700.000đ.Tổng cộng là: 14.121.701đ (*Mười bốn triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn,bảy trăm linh một đồng*). Chia phần mỗi bị cáo T và T1 bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn M số tiền là 7.060.851đ.

- *Buộc các bị cáo T và T1 bồi thường cho bị hại Lê Văn T2 các khoản sau:* Tiền chi phí điều trị tại bệnh viện: 124.000đ; tiền công lao động mất thu nhập thực tế trong 04 ngày anh T2 nằm viện (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ; tiền công 01 người chăm sóc (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ; tiền tổn thất tinh thần 04 tháng lương tối thiểu: 04 x 2.340.000đ/tháng = 9.360.000đ. Tổng cộng là: 11.484.000đ (*Mười một triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, đồng*). Chia phần mỗi bị cáo T và T1 bồi thường cho bị hại Lê Văn T2 số tiền là 5.742.000đ.

- *Buộc các bị cáo T và T1 bồi thường cho bị hại Đỗ Thế D các khoản sau:* Tiền chi phí điều trị tại bệnh viện: 1.878.256đ; tiền công lao động mất thu nhập

thực tế trong 04 ngày anh D nằm viện (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ; tiền công 01 người chăm sóc (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ; tiền tổn thất tinh thần 02 tháng lương tối thiểu: 02 x 2.340.000đ/tháng = 4.680.000đ. Tổng cộng là: 8.558.256đ (*Tám triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng*). Chia phần mỗi bị cáo T và T1 bồi thường cho bị hại Đỗ Thế D số tiền là 4.279.132đ. Chấp nhận sự nguyện nguyện của bị cáo T và T1 đã bồi thường cho bị hại Đỗ Thế D số tiền 10.000.000đ. Các bị cáo không yêu cầu trả lại số tiền thừa, chấp nhận việc bồi thường của bị cáo T và T1 đối với bị hại Đỗ Thế D đã xong.

Trường hợp bị cáo T không có tài sản hoặc tài sản không đủ để bồi thường thì bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ T) phải tiếp tục bồi thường cho các bị hại xong.

Về án phí: Các bị cáo Đặng Ngọc T và Phan Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 640.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý ông Lê Khắc H bào chữa cho bị cáo Đặng Ngọc T: Đồng ý với tội danh như bản cáo trạng đã truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị HĐXX xem xét đến hoàn cảnh, điều kiện phạm tội của bị cáo, bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên, nhận thức chưa đầy đủ, thành khẩn khai báo, đã tự nguyện bồi thường một phần cho bị hại. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của các bị cáo thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại

phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện T1, kết luận giám định cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 30/7/2023 tại đường bê tông liên thôn 2 - 3, xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa do mâu thuẫn cá nhân giữa Mai Huy B và Lê Văn M1 (Tự). Đặng Ngọc T có hành vi dùng dao lùa chém gây thương tích vào vùng đầu của Đỗ Thế D, vùng trán và ngón tay của Nguyễn Văn M (Mười); Phan Văn T1 có hành vi dùng gậy (chặt sẵn trước đó) lùa đánh gây thương tích vào vùng trán, lưng, sau đầu của Lê Văn T2 và vùng lưng, tay của Đỗ Thế D. Hậu quả: Lê Văn T2 bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên 8%; Nguyễn Văn M (Mười) bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên 9% và Đỗ Thế D bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên 4%.

HĐXX đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của các bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội: "Cố ý gây thương tích". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố các bị cáo Đặng Ngọc T và Phan Văn T1 về tội: "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người bị hại, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó cần được đưa ra xử lý nghiêm minh theo pháp luật mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện hành vi tội phạm. Nhưng cũng cần áp dụng Điều 58 BLHS để phân hóa vai trò và mức án tương xứng với hành vi của từng bị cáo gây ra.

Trong vụ án này, bị cáo T là người rủ bị cáo T1 đứng lại chờ nhóm M1 (Tự) qua để đánh và hành vi của bị cáo thuộc trường hợp "dùng hung khí nguy hiểm" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bị hại nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo T1 cũng là người thực hiện hành vi một cách tích cực, sau khi đồng ý với bị cáo T, bị cáo T1 đã lấy 01 đoạn gậy cạnh xe mô tô của B trước đó làm hung khí chờ nhóm M1 (Tự) đi ngang qua để đánh nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm

b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Đặng Ngọc T khi phạm tội là người chưa thành niên, nhận thức chưa đầy đủ, vì vậy nên áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại các Điều 91, khoản 1 Điều 101 BLHS để xem xét đối với bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn M yêu cầu bị cáo T và T1 bồi thường tổng số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*), Lê Văn T2 yêu cầu bị cáo T và T1 bồi thường tổng số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) và Đỗ Thế D yêu cầu bị cáo T và T1 bồi thường tổng số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

Tuy nhiên, căn cứ khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586 (áp dụng đối với bị cáo T), Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự. HĐXX chỉ chấp nhận và buộc các bị cáo T và T1 phải bồi thường cho các bị hại các khoản như sau:

- Buộc các bị cáo T và T1 bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn M các khoản sau:

+ Tiền chi phí điều trị tại bệnh viện: 421.701đ.

+ Tiền công lao động mất thu nhập thực tế trong 04 ngày anh M nằm viện (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ.

+ Tiền công 01 người chăm sóc (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ.

+ Tiền tổn thất tinh thần 05 tháng lương tối thiểu: 05 x 2.340.000đ/tháng = 11.700.000đ.

Tổng cộng là: 14.121.701đ (*Mười bốn triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn, bảy trăm linh một đồng*). Cụ thể buộc bị cáo T và T1 mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn M số tiền là 7.060.851đ.

- Buộc các bị cáo T và T1 bồi thường cho bị hại Lê Văn T2 các khoản sau:

+ Tiền chi phí điều trị tại bệnh viện: 124.000đ.

+ Tiền công lao động mất thu nhập thực tế trong 04 ngày anh T2 nằm viện (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ.

+ Tiền công 01 người chăm sóc (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ.

+ Tiền tổn thất tinh thần 04 tháng lương tối thiểu: 04 x 2.340.000đ/tháng = 9.360.000đ.

Tổng cộng là: 11.484.000đ (*Mười một triệu, bốn trăm, tám mươi tư nghìn đồng*). Cụ thể buộc bị cáo T và T1 mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại Lê Văn T2 số tiền là 5.742.000đ.

- Buộc các bị cáo T và T1 bồi thường cho bị hại Đỗ Thế D các khoản sau:

+ Tiền chi phí điều trị tại bệnh viện: 1.878.256đ.

+ Tiền công lao động mất thu nhập thực tế trong 04 ngày anh D nằm viện (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ.

+ Tiền công 01 người chăm sóc (từ ngày 31/7/2024 đến ngày 03/8/2024): 250.000đ/ngày x 04 ngày = 1.000.000đ.

+ Tiền tổn thất tinh thần 02 tháng lương tối thiểu: 02 x 2.340.000đ/tháng = 4.680.000đ.

Tổng cộng là: 8.558.256đ (*Tám triệu, năm trăm, năm mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng*). Cụ thể buộc bị cáo T và T1 mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại Đỗ Thế D số tiền là 4.279.132đ. Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo T và T1 đã bồi thường cho bị hại Đỗ Thế D số tiền 10.000.000đ. Các bị cáo không yêu cầu trả lại số tiền thừa, chấp nhận việc bồi thường của bị cáo T và T1 đối với bị hại Đỗ Thế D đã xong.

Như vậy bị cáo Đặng Ngọc T còn phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn M và Lê Văn T2 mỗi bị hại số tiền là: 12.802.851đ. Bị cáo Phan Văn T1 còn phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn M và Lê Văn T2 mỗi bị hại số tiền là: 12.802.851đ.

Trường hợp bị cáo T không có tài sản hoặc tài sản không đủ để bồi thường thì bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ T) phải tiếp tục bồi thường cho các bị hại xong.

[7] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 gậy gỗ dài khoảng 60cm dạng cành cây tươi; 01 chiếc gậy gỗ dài khoảng 75cm dạng cành cây tươi; 01 gậy tre dài khoảng 1m40, đường kính khoảng 4,5cm, màu vàng nâu và 01 đoạn khúc gỗ, dạng xoan tươi, màu tối, dài 01m, đường kính 1,5cm là công cụ phạm tội.

[8] Về án phí: Các bị cáo Đặng Ngọc T và Phan Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 640.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Văn T1.

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của BLHS. Nghị quyết số 02/2018/NQ - HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Đặng Ngọc T.

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Văn T1 và Đặng Ngọc T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn T1 10(*Mười*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Ngọc T 07 (*Bảy*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo Thời gian thử thách từ 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586 (áp dụng đối với bị cáo T) Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo T và T1 đã bồi thường cho bị hại Đỗ Thế D số tiền 10.000.000đ. Các bị cáo không yêu cầu trả lại số tiền thừa, chấp nhận việc bồi thường của bị cáo T và T1 đối với bị hại Đỗ Thế D đã xong.

Buộc bị cáo Đặng Ngọc T còn phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn M và Lê Văn T2 mỗi bị hại tổng số tiền là: 12.802.851đ *(Mười hai triệu, tám trăm linh hai nghìn, tám trăm năm mươi mốt đồng*).

Trường hợp bị cáo T không có tài sản hoặc tài sản không đủ để bồi thường thì bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ T) phải tiếp tục bồi thường cho các bị hại đến khi xong.

Buộc bị cáo Phan Văn T1 còn phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn M và Lê Văn T2 mỗi bị hại tổng số tiền là: 12.802.851đ *(Mười hai triệu, tám trăm linh hai nghìn,tám trăm năm mươi mốt đồng*).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 gậy gỗ dài khoảng 60cm dạng cành cây tươi; 01 chiếc gậy gỗ dài khoảng 75cm dạng cành cây tươi; 01 gậy tre dài khoảng 1m40,

đường kính khoảng 4,5cm, màu vàng nâu và 01 đoạn khúc gỗ, dạng xoan tươi, màu tối, dài 01m, đường kính 1,5cm là công cụ phạm tội.

(Toàn bộ vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/7/2024).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 và khoản 3 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I; Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Các bị cáo Đặng Ngọc T và Phan Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 640.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND H Quảng Xương;*
- *THADS huyện Quảng Xương;*
- *Công an huyện Quảng Xương;*
- *Bị cáo;*
- *Đại diện hợp pháp cho bị cáo;*
- *Người bào chữa;*
- *Bị hại;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy